

Số: 35/2014/BCTC - VA

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 28/03/2014, từ trang 6 đến trang 30, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên


Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dệt Vĩnh Phú tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

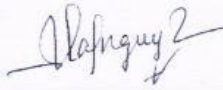
Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến thuyết minh số 4.3 của phần thuyết minh báo cáo tài chính, chính sách chênh lệch tỷ giá được ghi nhận theo hướng dẫn của Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012. Tuy nhiên, chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ kế toán năm 2011 của các khoản vay dài hạn có gốc ngoại tệ chưa được ghi nhận hết vào kết quả kinh doanh năm 2013 mà đang được phản ánh trên chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” của bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013 với số tiền khoảng 3,7 tỷ VND.

Nếu xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái thì chỉ tiêu “Chi phí trả trước dài hạn” trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2013 sẽ giảm đi số tiền khoảng 3,7 tỷ VND. Đồng thời, trên báo cáo kết quả kinh doanh năm 2013 chỉ tiêu “Chi phí tài chính” sẽ tăng lên số tiền khoảng 3,7 tỷ VND và chỉ tiêu lợi nhuận kế toán trước thuế” sẽ giảm đi tương ứng số tiền là khoảng 3,7 tỷ VND.




Hoàng Thị Thanh Tâm
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2302-2013-055-1
Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT ANH
Phủ Thọ, ngày 28 tháng 03 năm 2014



Nguyễn Thị Hạnh Nguyên
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
2514-2013-055-1

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+130+140+150)	100		164.693.057.066	123.283.345.736
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	84.134.139.862	56.526.434.425
1. Tiền	111		5.684.139.862	326.363.314
2. Các khoản tương đương tiền	112		78.450.000.000	56.200.071.111
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.774.168.686	26.854.418.704
1. Phải thu của khách hàng	131		23.501.422.042	27.314.934.123
2. Trả trước cho người bán	132		7.691.371.644	3.807.028.219
5. Các khoản phải thu khác	135	6	5.581.375.000	515.441.137
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	7	-	(4.782.984.775)
IV- Hàng tồn kho	140	8	42.988.557.664	39.147.065.491
1. Hàng tồn kho	141		43.410.636.473	39.756.300.309
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(422.078.809)	(609.234.818)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		796.190.854	755.427.116
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	9	796.190.854	755.427.116
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 240 + 260)	200		87.386.336.521	112.459.093.439
II- Tài sản cố định	220		74.479.333.261	87.814.413.005
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	74.254.518.308	85.959.208.059
- Nguyên giá	222		251.550.259.143	250.257.106.858
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(177.295.740.835)	(164.297.898.799)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	11	224.814.953	1.855.204.946
III- Bất động sản đầu tư	240	12	3.825.921.724	4.743.540.639
- Nguyên giá	241		31.329.417.715	33.632.424.840
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(27.503.495.991)	(28.888.884.201)
V- Tài sản dài hạn khác	260		9.081.081.536	19.901.139.795
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	9.081.081.536	19.901.139.795
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		252.079.393.587	235.742.439.175

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		180.280.935.767	180.032.115.145
I- Nợ ngắn hạn	310		102.668.743.767	89.041.320.697
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	79.353.871.233	59.500.958.106
2. Phải trả cho người bán	312		5.262.343.985	3.466.652.657
3. Người mua trả tiền trước	313		307.385.368	1.822.561.237
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	9.793.150.781	3.039.303.779
5. Phải trả người lao động	315		4.838.689.083	4.120.899.681
6. Chi phí phải trả	316	16	2.522.620.991	1.595.879.764
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	17	461.587.394	15.492.058.550
11. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323		129.094.932	3.006.923
II- Nợ dài hạn	330		77.612.192.000	90.990.794.448
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	1.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	18	77.612.192.000	90.989.794.448
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		71.798.457.820	55.710.324.030
I- Vốn chủ sở hữu	410	19	71.798.457.820	55.710.324.030
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		70.000.000.000	55.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		421.703.051	421.703.051
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		42.059.605	42.059.605
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.334.695.164	246.561.374
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		252.079.393.587	235.742.439.175

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
4. Nợ khó đòi đã xử lý			5.492.649.583	350.226.091
5. Ngoại tệ USD			797,70	501,28

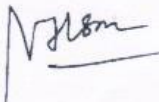
Phú Thọ, ngày 28 tháng 2 năm 2014

Người lập biểu



Dương Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Sơn

Tổng Giám đốc



Khuất Đăng Bình

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính) **MẪU B02 - DN**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	20	376.305.126.365	341.129.437.165
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	20	352.133.112	243.954.159
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	20	375.952.993.253	340.885.483.006
4. Giá vốn hàng bán	11	21	336.769.270.738	294.033.186.837
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.183.722.515	46.852.296.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	5.905.571.221	2.554.629.732
7. Chi phí tài chính	22	23	26.561.070.474	20.855.645.438
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.583.794.830	7.745.580.357
8. Chi phí bán hàng	24		4.037.209.231	2.501.383.397
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		12.832.079.009	12.495.704.860
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		1.658.935.022	13.554.192.206
11. Thu nhập khác	31	24	1.986.457.690	678.467.783
12. Chi phí khác	32	24	1.963.102.427	1.128.059.529
13. Lợi nhuận/lỗ khác (40=31-32)	40	24	23.355.263	(449.591.746)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.682.290.285	13.104.600.460
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	421.410.226	53.826.180
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		1.260.880.059	13.050.774.280
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	26	180	2.373

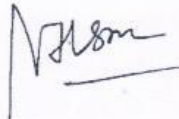
Phù Thọ, ngày 28 tháng 2 năm 2014

Người lập biểu



Dương Thị Thủy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Sơn

Tổng Giám đốc



Khuất Đăng Bình

(Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 30 là một hệ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

MẪU B03 - DN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		1.682.290.285	13.104.600.460
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		16.405.992.816	13.421.017.720
- Các khoản dự phòng	03		158.724.665	492.450.592
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		335.273.877	1.592.621.053
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.785.743.123)	(2.356.533.034)
- Chi phí lãi vay	06		8.583.794.830	7.745.580.357
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		21.380.333.350	33.999.737.148
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.462.353.093)	(345.120.824)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.569.280.729)	758.552.239
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		8.003.485.117	4.038.659.822
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		12.336.993.324	5.894.646.649
- Tiền lãi vay đã trả	13		(8.266.391.219)	(7.314.925.870)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(94.877.020)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		5.463.757.614	605.360.506
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(5.355.350.054)	(2.058.454.480)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.436.317.290	35.578.455.190
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn	21		(4.547.460.179)	(3.435.180.385)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22		1.751.706.366	(80.305.432)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.826.212.279	2.436.838.466
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		3.030.458.466	(1.078.647.351)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		306.671.707.280	152.486.107.897
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(300.527.307.725)	(155.139.069.250)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.144.399.555	(2.652.961.353)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		27.611.175.311	31.846.846.486
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		56.526.434.425	24.680.242.741
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(3.469.874)	(654.802)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	5	84.134.139.862	56.526.434.425

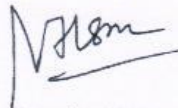
Phụ Thọ, ngày 28 tháng 2 năm 2014

Người lập biểu



Dương Thị Thúy Nga

Kế toán trưởng



Nguyễn Hồng Sơn



Tổng Giám đốc

Khuất Đăng Bình